TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BG** **TỈNH BG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày 03 tháng 4 năm 2023
V/V: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Bà Nguyễn Thị Biên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BG

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 205/2022/TLST-DS ngày 15/12/2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 02 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 03 năm 2023, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 186/TB-TA ngày 16/3/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Giáp Thị Th, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 31E, đường Cao Kỳ V, tổ 3, phường Trần Nguyên H, thành phố BG, tỉnh BG.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Thân Thị Minh B, sinh năm 1979; HKTT: xã Nghĩa T, huyện VY, tỉnh BG; Tạm trú: Số nhà 19, ngõ 53, đường P, phường TX, thành phố BG, tỉnh BG.

(Có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lương Thanh B1, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số 04, ngõ 02, đường Nguyễn Khắc N, phường Trần Nguyên H, thành phố BG, tỉnh BG.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Giáp Thị Th trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, ngày 07/10/2021 bà có cho bà Thân Thị Minh B vay số tiền 50.000.000 đồng. Thời hạn vay là 6 tháng, mục đích vay bà B có nói với bà để lo việc cưới con gái. Bà và bà B thỏa thuận lãi xuất 0.9%/tháng. Bà B trực tiếp viết giấy biên nhận vay tiền ngày 07/10/2021 và ký tên vào giấy vay tiền trên. Bà đã đưa trực tiếp cho bà B số tiền 50.000.000 đồng tiền mặt. Số tiền bà cho bà B vay là của cá nhân bà, không liên quan đến ai khác.

Kể từ khi vay đến nay, bà B chưa trả bà khoản tiền gốc nào. Bà B mới trả bà được tiền lãi tháng 10, tháng 11, tháng 12 năm 2021 và tháng 01 năm 2022. Cụ thể trả lãi vào ngày nào bà không nhớ. Kể từ tháng 02/2022, bà B không trả thêm bà khoản tiền gốc và lãi nào nữa. Hết thời hạn 6 tháng trong giấy vay tiền, bà có đòi nhiều lần nhưng bà B đều không trả.

Nay bà yêu cầu bà Thân Thị Minh B trả số tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền gốc vay tính từ ngày 07/02/2022 đến ngày xét xử vụ án với lãi suất 0,9%/tháng, số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử là 6.000.000 đồng. Tổng cộng cả gốc, lãi tạm tính đến ngày xét xử là 56.000.000 đồng. Bà chỉ yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc (cả trong hạn và quá hạn) với mức lãi suất mà bà và bà B thỏa thuận là 0,9%/tháng. Bà không yêu cầu tính lãi chậm trả lãi.

Bà B trình bày bà có nợ bà B số tiền 30.000.000 đồng tiền môi giới (tiền hoa hoa hồng) bất động sản là không đúng. Bà không cùng kinh doanh bất động sản hay cùng buôn bán gì với bà B. Do vậy bà B đề nghị bà đối trừ khoản tiền 30.000.000 đồng vào khoản nợ 50.000.000 đồng là không có cơ sở.

Bị đơn là bà Thân Thị Minh B trình bày:

Bà và bà Giáp Thị Th không có quan hệ họ hàng, chỉ là chị em quen biết nhau cùng làm ăn. Ngày 07/10/2021, do cần tiền chi tiêu công việc nên bà có vay của bà Th số tiền 50.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy vay đề ngày 07/10/2021 làm bằng chứng. Chữ viết, chữ ký trong giấy vay đề ngày 07/10/2021 mà bà Th nộp cho Tòa án đúng là của bà. Bà đã nhận đủ số tiền vay 50.000.000 đồng sau khi ký giấy vay. Thời điểm vay, hai bên có thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất là 0,9%/tháng. Kể từ lúc vay đến nay, bà chưa trả cho bà Th một khoản tiền vay gốc nào, bà mới trả lãi được số tiền lãi của tháng 10, tháng 11, tháng 12 năm 2021 và tháng 01 năm 2022. Từ tháng 02/2022 đến nay, bà chưa trả thêm khoản tiền lãi nào cho chị Th.

Bà xác định việc vay nợ trên chỉ là giao dịch giữa bà và bà Th, không liên quan đến ai khác. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th, bà đồng ý trả tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi theo thỏa thuận từ tháng 02/2022 đến ngày xét xử sở thẩm.

Tháng 3/2022, bà và bà Th có kinh doanh chung bất động sản. Sau khi bán được nhà đất tại địa chỉ số nhà 52, tổ 3, phường TX, thành phố BG, bà Th mới chỉ

trả bà 5.000.000 đồng, chưa trả bà số tiền 30.000.000 đồng là tiền lãi do cùng bán nhà đất trên mà có được. Bà đề nghị trừ số tiền này vào khoản nợ gốc 50.000.000 đồng mà bà vay của bà Th. Tuy nhiên, do bà Th không đồng ý đối trừ khoản tiền này cho bà nên bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định. Đối với số tiền 30.000.000 đồng bà Th chưa trả bà, bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án ngày mà thu thập tài liệu chứng cứ sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lương Thanh B1 trình bày:

Ông là chồng cũ của bà Giáp Thị Th. Ông kết hôn với bà Th năm 2015 và ly hôn năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố BG. Ông được biết giữa bà Th, bà B là chỗ chị em quen biết nhau. Trong thời gian chung sống với bà Th, ông được bà Th kể cho biết sự việc, ngày 07/10/2021 bà Th cho bà B vay số tiền 50.000.000 đồng. Cụ thể giao dịch vay tiền thế nào ông không rõ, ông xác định số tiền 50.000.000 đồng bà Th cho bà B vay là tiền riêng của bà Th, không liên quan gì đến ông. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th, ông không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo quy định.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự đều không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ngày 07/03/2023, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất nhưng bị đơn bà Thân Thị Minh B có đơn đề nghị hoãn phiên tòa nên Tòa án tiến hành hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Nguyên đơn bà Giáp Thị Th, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lương Thanh B1 xin vắng mặt, giữ nguyên quan điểm đã trình bày trong hồ sơ vụ án.

* Bị đơn bà Thân Thị Minh B trình bày: Đối với khoản vay 50.000.000 đồng, bà xác định đây là khoản vay của cá nhân bà đối với bà Th, không liên quan đến ai khác. Bà đã ly hôn chồng từ năm 2009.Bà đồng ý trả tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi từ ngày 07/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận 0,9%/tháng. Tuy nhiên bà đề nghị bà Th cho bà được trả dần khoản tiền này do hiện nay hoàn cảnh của bà rất khó khăn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cơ bản chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Bộ luật dân sự; Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Giáp Thị Th, buộc bà Thân Thị Minh B phải trả số tiền gốc 50.000.000 đồng và số tiền lãi của số tiền gốc 50.000.000 đồng kể từ 07/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,9%/tháng. Cụ thể số tiền lãi là 6.225.000 đồng. Tổng số tiền gốc và tiền lãi bà B phải trả là 56.225.000 đồng.

- Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả bà Th số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Giáp Thị Th, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lương Thanh B1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng bà Th, ông B1 là đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Giáp Thị Th khởi kiện bà Thân Thị Minh B yêu cầu trả lại số tiền gốc 50.000.000 đồng vay ngày 07/10/2021 và có yêu cầu tính lãi. Do vậy cần xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự . Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố BG nên Tòa án nhân dân thành phố BG thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Giáp Thị Th về trả số tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền gốc 50.000.000 đồng tính từ ngày 07/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,9%/tháng:

[3.1]. Đối với yêu cầu trả tiền gốc 50.000.000 đồng: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Ngày 07/01/2021, bà Th cho bà B vay số tiền 50.000.000 đồng. Bà Bảy thừa nhận khi vay, bà có viết Giấy biên nhận vay tiền cho bà Th, chữ viết và chữ ký tại giấy vay tiền đề ngày 07/10/2021 mà bà Th cung cấp đúng là chữ ký của bà B. Kể từ khi vay đến nay, bà B chưa trả khoản tiền gốc 50.000.000 đồng cho bà Th. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà Th đối với số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc.

[3.2]. Đối với yêu cầu trả lãi của tiền gốc 50.000.000 đồng từ ngày 07/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,9%/tháng:

Tại Giấy biên nhận vay tiền đề ngày 07/10/2021 và tại lời khai của bà Th, bà B thể hiện thời hạn vay của khoản vay 50.000.000 đồng là 6 tháng, lãi suất thỏa thuận 0,9%/tháng. Căn cứ Điều 463, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự, cần xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự: *"Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác"*. Như vậy, lãi suất các bên thỏa thuận là 0,9%/tháng (tương ứng với 10,8%/năm) không vượt quá mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên cầm chấp nhận mức lãi suất này để tính lãi đối với khoản tiền gốc 50.000.000 đồng.

Bà Th và bà B đều thừa nhận Bà B đã trả được số tiền lãi của tháng 10, tháng 11, tháng 12 năm 2021 và tháng 01 năm 2022. Nay bà Th yêu cầu tính lãi từ ngày 07/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm đối với số tiền gốc (cả trong hạn và quá hạn) với mức lãi suất thỏa thuận là 0,9%/tháng và không yêu cầu tính lãi chậm trả lãi; bà B cũng nhất trí thời điểm tính lãi và mức lãi suất mà bà Th yêu cầu nên căn cứ khoản 2 Điều 466 của Bộ luật dân sự, điểm a, c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, tiền lãi được tính như sau: Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn và quá hạn =(nợ gốc chưa trả)x(lãi suất do các bên thỏa thuận)x(thời gian chưa trả lãi trên nợ gốc). Từ ngày 07/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (03/4/2023) là 01 năm 01 tháng 25 ngày nên số tiền lãi bà B phải trả bà Th là: (50.000.000 đồng x 10,8%) + (50.000.000 đồng x 0,9%) + (50.000.000 đồng x 0,003% x 25 ngày) = 6.225.000 đồng.

Như vậy, bà B phải trả bà Th tổng số tiền 56.225.000 đồng (trong đó gồm 50.000.000 đồng tiền gốc và 6.225.000 đồng tiền lãi).

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Yêu cầu của bà Th được chấp nhận nên bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể là 56.225.000 đồng x 5% = 2.811.000 đồng; Cần hoàn trả bà Th số tiền tạm ứng án phí 1.360.000 đồng đã nộp.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, khoản 1, 2 Điều 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự; điểm a, c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Buộc bà Thân Thị Minh B phải trả bà Giáp Thị Th 56.225.000 đồng trong đó gồm 50.000.000 đồng tiền gốc theo giấy vay tiền ngày 07/10/2021 và 6.225.000 đồng tiền lãi.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bà Thân Thị Minh B phải chịu 2.811.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Giáp Thị Th số tiền tạm ứng án phí 1.360.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001960 ngày 15/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. BG;
- CCTHADS TP. BG;
- TAND tỉnh BG;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Phương Thảo